TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2026/QĐST-DS	*Thái Nguyên, ngày 04 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Bế Đức Thanh

Bà Lý Thị Thịnh

Căn cứ vào các điều 147, 157, 158, 165, 166, 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ Pháp lệnh chi phí tố tụng năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào hồ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2025/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất"*.

XÉT THẤY

Tại phiên toà các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nông Thị Ẻ, sinh năm 1949; Số CCCD: 006149001371 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 12/7/2021; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Thôn G (N là thôn Đ), xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Anh T, sinh năm 1969; Số CCCD: 019069008518 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 28/6/2022; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Tổ F, phường P, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Bà Lôi Thị P, sinh năm 1947; Số CCCD: 006147002813 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 12/7/2021; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Thôn G (N là thôn Đ), xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ma Thị C, sinh năm 1973; Số CCCD: 006173000040 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 07/7/2025; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Vy Thị B, sinh năm 1947; Số CCCD: 006147000075 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 20/4/2021; Địa chỉ: Thôn E (N là thôn Đ), xã C, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Ma Văn T1, sinh năm 1973; Số CCCD: 006073004826 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 20/8/2021; Địa chỉ: Thôn G (N là thôn Đ), xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ma Thị C, sinh năm 1973; Số CCCD: 006173000040 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 07/7/2025; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quyền sử dụng đất:

Nguyên đơn bà Nông Thị Ẻ được quyền sử dụng đất đối với diện tích 157m^2 thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ địa chính số 179 xã C đo đạc năm 2017, địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã C, tỉnh Thái Nguyên. *(Phần diện tích 157m^2 được giới hạn bởi các điểm 1-6-7-8-1 theo bản trích đo địa chính thửa đất tranh chấp số 47-2026 kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2026)*.

Bị đơn bà Lôi Thị P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ma Văn T1 được quyền sử dụng đất đối với diện tích 157m^2 thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ địa chính số 179 xã C đo đạc năm 2017, địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã C, tỉnh Thái Nguyên. *(Phần diện tích 157m^2 được giới hạn bởi các điểm 7-8-2-3-4-5-7 theo bản trích đo địa chính thửa đất tranh chấp số 47-2026 kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2026)*.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2.2. Về tài sản trên đất:

Bà Lôi Thị P có trách nhiệm di dời toàn bộ số cây gỗ mỡ hiện đang có trên phần diện tích đất 157m^2 thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ địa chính số 179 xã C đo đạc năm 2017, địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã C, tỉnh Thái Nguyên mà bà Nông Thị Ẻ được quyền sử dụng. *(Phần diện tích 157m^2 được giới hạn bởi các điểm 1-6-7-8-1 theo bản trích đo địa chính thửa đất tranh chấp số 47-2026 kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2026)*.

Thời hạn di dời cây: Việc di dời cây hoàn thành xong trước ngày 01/11/2026.

Chi phí di dời cây: Do bà Lôi Thị P tự chi trả. Bà Lôi Thị P không yêu cầu bà Nông Thị Ẻ phải có trách nhiệm bồi hoàn.

2.3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nông Thị Ẻ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 5.350.000đ *(Năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)*. Xác nhận bà Nông Thị Ẻ đã nộp đủ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nói trên.

2.4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Nông Thị Ẻ và bị đơn bà Lôi Thị P do là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 9 - Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 9 - Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Linh

Mẫu số 39-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)

Số:...../...../QĐST-..... (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN……..

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà)……..

Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà)……..

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....….....

2. Ông (Bà).....….....….....

3. Ông (Bà).....….....….....

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:…/../TLST-....(3) ngày…tháng… năm....

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:(4)

…….....……..….....

…….....…….....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

…….....…….....

…….....…….....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(6)

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
hi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)